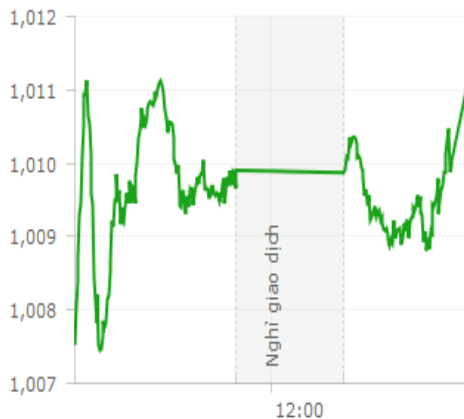
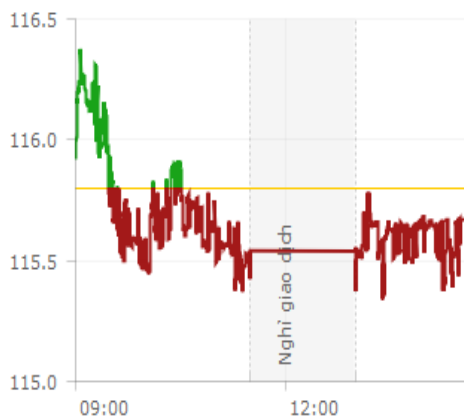


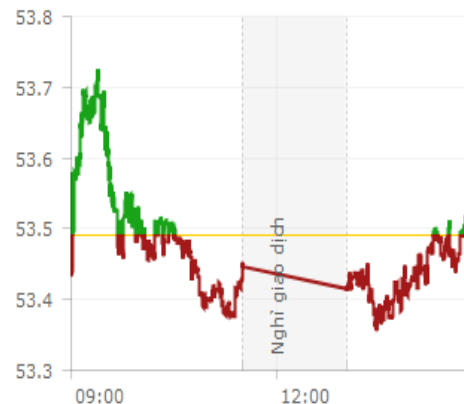
**Vn-index: 8.32 điểm (0.83%)**



**Hnx-index: 0.21 điểm (0.18%)**



**Upcom-index: 0.18 điểm (0.33%)**



## Tăng Giảm Khá Trái Chiều Trên 2 Sàn Với Thanh Khoản Sụt Giảm!

**Tổng hợp:** (Phiên giao dịch ngày 24/09/2018). Được sự hỗ trợ từ nhóm CP vốn hóa lớn và nhóm CP đầu khí, Vn-index tiếp tục tiến bước và chinh phục mốc 1.010 điểm, trong khi đó Hn-index có sự điều chỉnh nhẹ. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 8,32 điểm (0,83%) lên 1.011,29 điểm với khối lượng giao dịch đạt 186,7 triệu CP, trị giá 4.387,5 tỷ đồng; HNX-Index giảm 0,21 điểm (-0,18%) giảm 115,59 điểm với khối lượng giao dịch đạt 49 triệu CP, trị giá 604,7 tỷ đồng.

**Thanh khoản:** Thanh khoản thị trường có phần sụt giảm so với các phiên giao dịch gần đây (đã loại trừ sự đột biến thanh khoản từ việc cơ cấu các quỹ ETF phiên cuối tuần trước). Tổng khối lượng giao dịch hai sàn niêm yết đạt 235,7 triệu cổ phiếu, trị giá 4.992,2 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận chiếm 17,7 triệu CP, trị giá 650,17 tỷ đồng. Đáng chú ý có giao dịch thỏa thuận của 1,41 triệu CP MSN trị giá 133,41 tỷ đồng; 1,27 triệu Cp VIC trị giá 126,6 tỷ đồng; 1,92 triệu CP ROS trị giá 79,8 tỷ đồng...

**Điểm nhấn:** Vị thế tăng/giảm đã đảo ngược so với phiên cuối tuần, trong đó sắc xanh duy trì khá tốt trên sàn HSX và đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày, còn sàn HNX điều chỉnh gần như trong suốt phiên giao dịch. Nhờ vào sự bứt phá của một số cổ phiếu trụ cột nên VN-Index đã duy trì được đà tăng mạnh trong phiên. Cụ thể, các mã như KDC, MSN, NVL, VRE... đều có được mức tăng khá tốt. VRE chốt phiên tăng 4,4% lên 39.500 đồng/CP và khớp lệnh 2,2 triệu cổ phiếu. NVL tăng 6,8% lên 64.100 đồng/CP. KDC tăng 4,6% lên 29.650 đồng/CP. Tuy nhiên, ấn tượng nhất là dòng CP đầu khí do được hưởng lợi trước giá dầu thế giới tiếp tục leo thang nên đã đồng loạt bứt phá khá mạnh mẽ như GAS, PVS, PVD, PVB, BSR, PLX... và hầu hết đều đóng cửa tại mức cao nhất phiên. GAS tăng 1,6% lên 117.800 đồng/CP, PLX tăng 3,1% lên 73.000 đồng/CP, BSR tăng 3,1%, PVB tăng 2,3%, PVS tăng 1,7%... thậm chí PVD tăng gần hết biên độ 6,5% lên 18.950 đồng/CP.

Bên cạnh đó thì nhóm CP dệt may sau 2 phiên điều chỉnh nhẹ cũng đã quay lại đường đua với nhiều mã tăng điểm và thu hút dòng tiền khá tốt như GIL, TCM, TNG, VGT... Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu như NTP, VCS, VPB, VNM, BID... đều đồng loạt giảm giá và đây là nguyên nhân chính đẩy HNX-Index giảm điểm. NTP giảm sâu 1,2% xuống 50.900 đồng/CP. VCS giảm 2,5% xuống 96.300 đồng/CP.

**Khôi ngoại:** Sau phiên bán ròng kỷ lục gần 760 tỷ đồng trong ngày chốt sổ ETF cuối tuần trước, nhà đầu tư nước ngoài đã trở lại trạng thái mua ròng nhẹ về giá trị, với gần 30 tỷ đồng trong phiên đầu tuần 24/9. Trên HSX, khối ngoại đã trở lại mua ròng với giá trị 53,85 tỷ đồng. Trên HNX, khối ngoại đã bán ròng nhẹ với 5 tỷ đồng trong phiên hôm nay và cũng là phiên bán ròng thứ 3 liên tiếp.

### Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy  
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh  
Xu thế dài hạn: Tăng

## Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy  
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh  
Xu thế dài hạn: Tăng

**Nhóm ngành:** Mặc dù đóng phiên có sự trái chiều trên 2 sàn, song sắc xanh vẫn hoàn toàn chiếm ưu thế trên các nhóm ngành. Chỉ số 3/18 nhóm ngành giảm điểm, giảm sâu nhất là nhóm CP truyền thông (-3,27%), còn 2 nhóm dịch vụ công nghiệp và ngân hàng có mức giảm nhẹ 0,5% và 0,09%. Ở chiều tăng giá, ấn tượng nhất là nhóm dầu khí tăng 3,17%, theo sau là nhóm ô tô tăng 2,58%, tiếp đến là nhóm BĐS, khí đốt, du lịch và giải trí tăng từ 1,3% đến 1,68%. Còn lại các nhóm khác có mức tăng khá nhẹ nhàng.

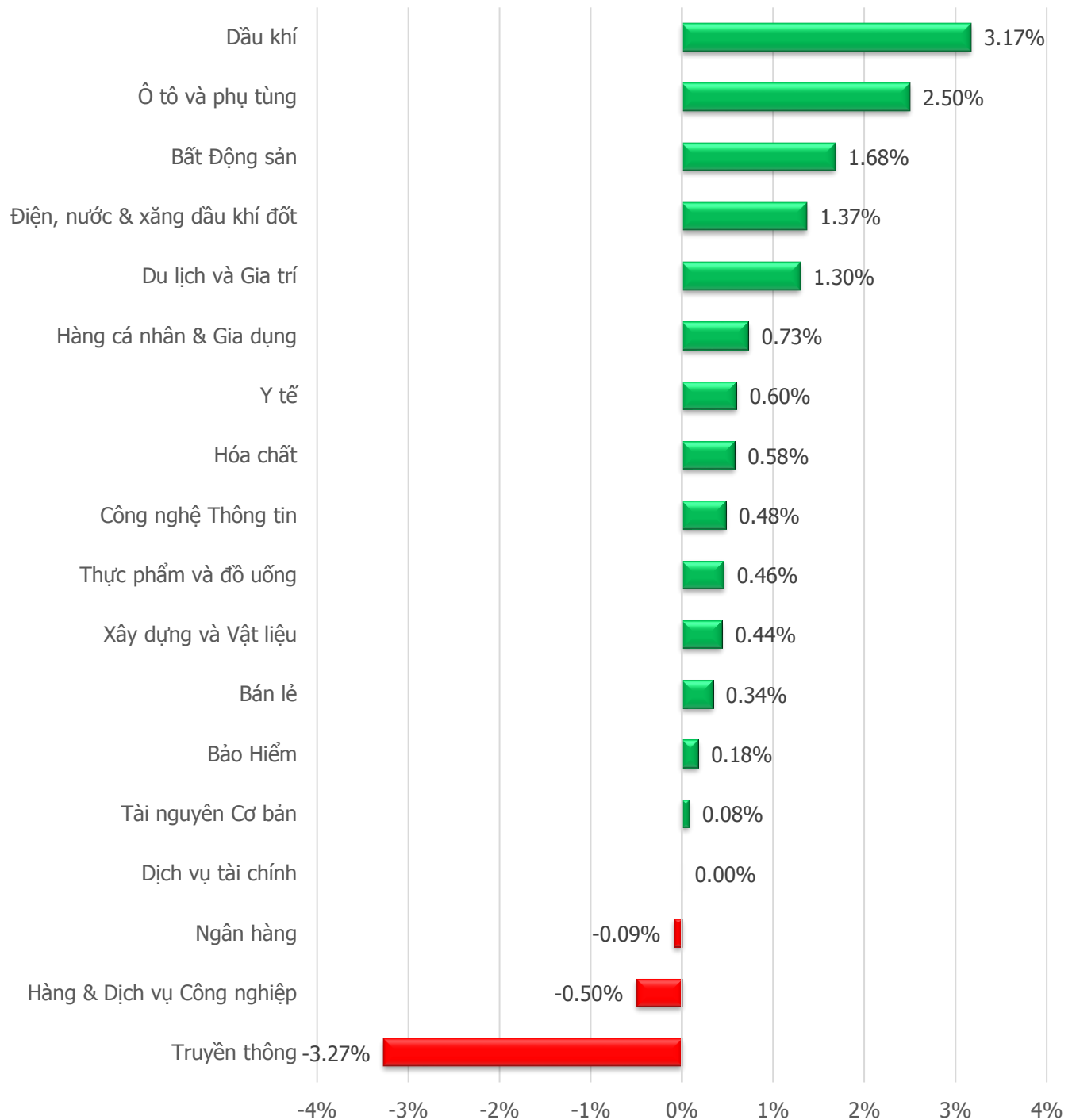
**Nhóm CP tài chính:** Có sự phân hóa tại nhóm ngân hàng lẫn chứng khoán. Các mã giảm giá ở dòng ngân hàng gồm BID, CTG, ACB, VPB, TCB, ngược lại HDB, VCB, VIB, MBB vẫn duy trì sắc xanh. Nhóm chứng khoán có giao dịch phân hóa mạnh hơn khi HCM, VND, SHS, MBS, VPI đồng loạt giảm điểm. Ngược lại, SSI, FTS, VDS, BSI, CTS... tăng khá mạnh, thậm chí FTS và VDS còn tăng trần.

**Nhóm CP BĐS:** Bộ 3 nhà Vingroup giao dịch tích cực với VIC tăng 1% lên 99.600 đồng/CP, VRE tăng 4,4% lên mức giá cao nhất ngày 39.500 đồng/CP, VHM tăng 1,4% lên 102.900 đồng/CP. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ vẫn chịu áp lực bán chốt lời với hàng loạt mã đứng dưới mốc tham chiếu như DLG, QCG, ITA, DIG, DXG...

**KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:** Sau phiên đột biến về thanh khoản ở cuối tuần trước với sự tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF, thị trường quay về trạng thái khớp lệnh bình thường, nhưng thanh khoản hôm nay có phần sụt giảm nhẹ so với trung bình các phiên. Diễn biến cũng có sự trái chiều giữ 2 sàn và đảo ngược vị thế so với phiên cuối tuần trước, cho thấy đã bắt đầu xuất hiện áp lực chốt lời trong ngắn hạn. Trước diễn biến đó, chúng tôi nhận thấy cần thận trọng trong chiều hướng mua, đặc biệt là tránh mua đuổi và hạn chế gia tăng thêm tỷ trọng. Tuy nhiên, áp lực bán là chưa rõ ràng và xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn vẫn đang chiếm ưu thế, nên chúng tôi vẫn duy trì quan điểm nắm giữ tỷ trọng CP lớn.

## BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

### Biến động giá theo ngành



## NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

### HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SII	21,400	1,400	7.00%	210
CMX	6,420	420	7.00%	46,440
TNT	1,990	130	6.99%	93,990
ABT	37,000	2,400	6.94%	3,170
FTS	14,650	950	6.93%	214,120

### HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
V21	18,900	1,700	9.88%	100
TMX	10,200	900	9.68%	3,000
PSW	8,000	700	9.59%	100
VGP	18,300	1,600	9.58%	2,500
DNY	6,900	600	9.52%	100

### HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
RIC	6,150	-460	-6.96%	1,000
YBM	20,100	-1,500	-6.94%	566,510
HOT	28,250	-2,100	-6.92%	20
SMA	13,050	-950	-6.79%	170
TGG	15,250	-1,100	-6.73%	70,040

### HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVV	700	-100	-12.50%	72,500
CT6	4,500	-500	-10.00%	1,900
CTT	8,100	-900	-10.00%	100
HHC	85,100	-9,400	-9.95%	110
STC	26,500	-2,900	-9.86%	100

### HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,550	-150	-1.18%	7,248,540
MBB	23,200	250	1.09%	6,826,500
ASM	12,750	-50	-0.39%	5,294,020
HSG	12,300	-50	-0.40%	5,203,170
IDI	13,150	350	2.73%	5,147,140

### HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	5,800	500	9.43%	10,317,598
SHB	8,900	0	0.00%	7,767,391
TNG	16,500	1,300	8.55%	2,010,873
NVB	9,000	100	1.12%	1,716,405
MBG	5,600	-200	-3.45%	1,538,922

### HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

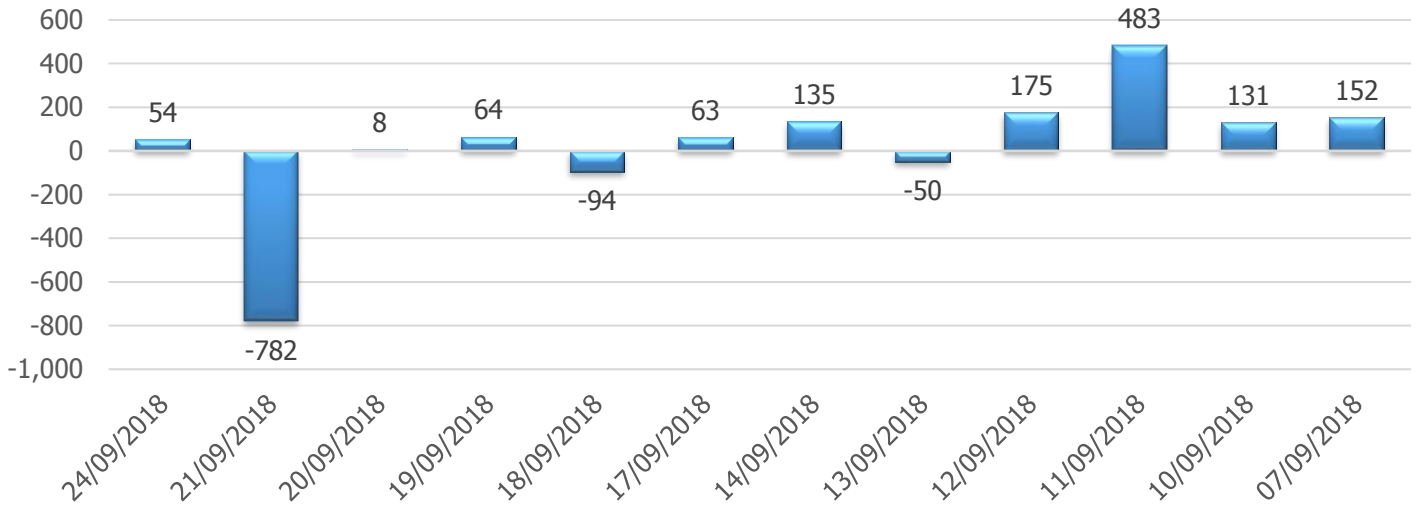
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,550	-150	-1.18%	7,248,540
MBB	23,200	250	1.09%	6,826,500
ASM	12,750	-50	-0.39%	5,294,020
HSG	12,300	-50	-0.40%	5,203,170
IDI	13,150	350	2.73%	5,147,140

### HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

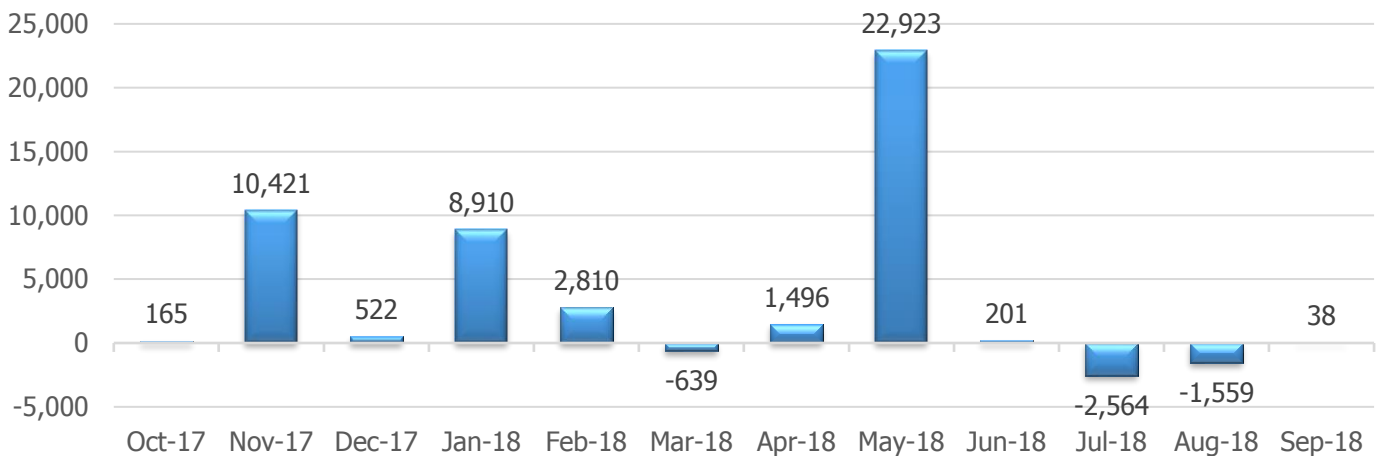
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	5,800	500	9.43%	10,317,598
SHB	8,900	0	0.00%	7,767,391
PVS	23,600	400	1.72%	3,778,582
ACB	34,300	-100	-0.29%	2,805,624
TNG	16,500	1,300	8.55%	2,010,873

## GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



### Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



### HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
MSN	42.45	BID	27.08
HPG	26.66	GEX	21.13
VCB	18.60	VJC	12.92
VRE	16.03	DIG	9.55
VNM	15.09	VHM	8.53

### HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
PVS	1.48	VCS	3.26
VGC	1.37	TIG	2.48
SHS	0.97	SHB	1.49
CDN	0.14	PVB	1.44
PVC	0.12	BVS	0.53

## DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,584,877	41,300	54.18%
2	VNM	10.90%	239,970	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.47	9.21	1,093,595	137,000	15.00%
3	ACV	9.00%	186,134	12,877	2,559	11.1%	20.3%	33.41	6.64	126,846	87,900	42.40%
4	KDH	6.30%	13,520	15,677	1,500	5.5%	8.5%	22.13	2.12	354,732	33,050	47.38%
5	PNJ	6.10%	16,473	20,764	5,341	18.8%	28.3%	19.02	4.89	491,175	102,400	35.42%
6	VJC	4.70%	80,917	21,699	8,715	15.1%	45.4%	17.14	6.88	870,972	152,100	87.70%
7	QNS	3.20%	11,481	16,802	3,697	14.7%	23.7%	10.61	2.34	208,713	39,400	-31.56%
8	EIB	3.10%	17,274	12,183	1,003	0.9%	8.6%	14.00	1.15	2,403,727	14,100	13.31%
9	CTD	3.00%	13,074	97,180	21,408	11.2%	22.5%	7.80	1.72	241,496	169,800	-17.75%
10	PVS	2.60%	10,363	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.31	0.97	5,291,709	23,600	48.24%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	42,902	14,688	2,887	1.2%	21.5%	11.92	2.34	4,514,741	34,300	53.22%
2	MWG	7.20%	40,681	23,262	8,487	12.2%	41.3%	14.85	5.42	576,339	126,700	12.00%
3	MBB	7.07%	49,582	13,767	2,083	1.4%	14.9%	11.02	1.67	5,994,842	23,200	26.52%
4	VNM	6.27%	239,970	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.47	9.21	1,093,595	137,000	15.00%
5	KDH	5.13%	13,520	15,677	1,500	5.5%	8.5%	22.13	2.12	354,732	33,050	47.38%
6	HPG	4.04%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,584,877	41,300	54.18%
7	FPT	4.00%	28,162	19,170	5,078	11.7%	23.0%	9.04	2.39	1,523,475	46,100	12.18%
8	GAS	3.94%	221,827	22,568	5,878	17.5%	25.7%	19.72	5.14	659,435	117,800	80.08%
9	ACV	3.59%	186,134	12,877	2,559	11.1%	20.3%	33.41	6.64	126,846	87,900	42.40%
10	VJC	3.37%	80,917	21,699	8,715	15.1%	45.4%	17.14	6.88	870,972	152,100	87.70%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	63,726	13,614	3,068	2.6%	24.1%	8.57	1.93	4,769,479	25,950	15.33%
2	MWG	13.30%	40,681	23,262	8,487	12.2%	41.3%	14.85	5.42	576,339	126,700	12.00%
3	PNJ	8.57%	16,473	20,764	5,341	18.8%	28.3%	19.02	4.89	491,175	102,400	35.42%
4	FPT	4.88%	28,162	19,170	5,078	11.7%	23.0%	9.04	2.39	1,523,475	46,100	12.18%
5	MBB	4.79%	49,582	13,767	2,083	1.4%	14.9%	11.02	1.67	5,994,842	23,200	26.52%
6	DHG	4.63%	12,669	22,362	4,549	14.3%	21.0%	21.30	4.33	261,358	96,500	-7.13%
7	CTD	4.60%	13,074	97,180	21,408	11.2%	22.5%	7.80	1.72	241,496	169,800	-17.75%
8	CII	4.18%	6,240	20,276	-60	-0.1%	-0.2%	424.75	1.26	702,337	25,950	-22.73%
9	CTI	3.52%	1,607	19,388	2,162	3.1%	9.6%	11.79	1.32	335,081	25,900	-16.26%
10	VCI	3.41%	10,546	22,184	5,635	13.6%	28.3%	11.48	2.92	195,037	64,000	58.05%
	Tổng	62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.17%	314,694	13,105	1,136	1.6%	5.8%	86.79	7.52	2,675,435	99,600	143.00%
2	NVL	7.43%	54,857	18,333	2,255	3.7%	13.6%	26.60	3.27	4,731,523	64,100	27.38%
3	VNM	8.51%	239,970	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.47	9.21	1,093,595	137,000	15.00%
4	CTG	7.11%	104,628	18,191	2,085	0.7%	11.9%	13.47	1.54	6,097,079	28,000	47.22%
5	MSN	6.57%	95,846	16,155	5,241	8.9%	26.1%	17.36	5.63	1,412,366	94,500	77.73%
6	ROS	3.80%	22,704	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.11	3.94	1,315,490	40,500	-60.10%
7	HPG	4.41%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,584,877	41,300	54.18%
8	Mani	4.82%	106	12,076	1,030	6.5%	8.8%	6.79	0.58	31,920	7,000	-3.29%
9	SSI	4.14%	16,445	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.71	1.81	4,826,992	33,150	35.06%
10	Eclat	4.57%	16	17,210	1,625	6.8%	9.5%	5.54	0.52	24	9,000	-30.07%
11	BVH	4.17%	68,477	21,713	1,816	1.3%	8.4%	53.81	4.50	229,701	97,700	73.93%
12	Synopex	2.89%	870	15,140	1,592	8.2%	9.6%	8.15	0.86	44,133	13,200	21.25%
13	SOCO	4.25%	4,744	12,458	1,131	2.7%	6.3%	11.14	1.01	2,003	11,900	0.00%
14	RMIL	3.01%	11	10,483	1,079	0.0%	0.0%	9.26	0.95	0	10,000	0.00%
15	Hansae	3.46%	1,410	10,943	816	0.0%	0.0%	12.25	0.91	171	9,500	-0.99%
16	VCG	1.81%	7,995	14,438	2,875	6.1%	16.7%	6.30	1.25	981,229	18,300	-6.89%
17	STB	2.52%	22,906	13,112	819	0.4%	6.3%	15.51	0.97	6,116,294	12,550	9.48%
18	SBT	1.94%	10,404	12,580	1,115	3.0%	8.0%	18.84	1.67	4,292,546	21,500	-23.08%
19	TCH	2.25%	8,019	12,751	1,075	7.8%	8.7%	21.11	1.78	1,092,894	23,850	51.12%
20	MCNEX	1.35%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	45	5,600	5.66%
21	KDC	1.34%	5,830	29,308	-82	-0.2%	-0.2%	346.37	0.97	362,125	29,650	-29.16%
22	DPM	1.24%	7,024	20,047	1,624	5.9%	7.8%	11.05	0.90	677,684	18,300	-13.18%
23	NT2	1.56%	7,398	12,728	2,980	8.4%	18.5%	8.63	2.02	430,206	26,000	27.04%
24	HSG	0.07%	4,753	13,568	1,861	3.1%	13.4%	6.64	0.91	3,336,914	12,300	-51.04%
25	DCMI	0.19%	5,479	12,289	925	3.9%	7.8%	11.19	0.84	478,816	10,600	-18.15%
26	U.S.Dollar	0.08%	319	13,205	2,123	7.3%	14.5%	4.90	0.79	28,838	10,400	13.60%
27	VCB	6.43%	232,416	16,261	3,140	1.2%	20.3%	20.58	3.97	2,690,145	65,200	74.37%
28	VRE	5.06%	71,956	14,321	1,057	5.6%	7.9%	35.80	2.64	2,393,062	39,500	0.00%
<b>Tổng</b>		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,584,877	41,300	54.18%
2	VIC	15.41%	314,694	13,105	1,136	1.6%	5.8%	86.79	7.52	2,675,435	99,600	143.00%
3	MSN	15.32%	95,846	16,155	5,241	8.9%	26.1%	17.36	5.63	1,412,366	94,500	77.73%
4	VNM	12.55%	239,970	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.47	9.21	1,093,595	137,000	15.00%
5	VCB	6.80%	232,416	16,261	3,140	1.2%	20.3%	20.58	3.97	2,690,145	65,200	74.37%
6	NVL	5.84%	54,857	18,333	2,255	3.7%	13.6%	26.60	3.27	4,731,523	64,100	27.38%
7	ROS	5.14%	22,704	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.11	3.94	1,315,490	40,500	-60.10%
8	PVS	5.10%	10,363	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.31	0.97	5,291,709	23,600	48.24%
9	SSI	4.08%	16,445	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.71	1.81	4,826,992	33,150	35.06%
10	STB	2.88%	22,906	13,112	819	0.4%	6.3%	15.51	0.97	6,116,294	12,550	9.48%
<b>Tổng</b>		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VNM	5.65%	239,970	14,956	5,631	28.5%	38.9%	24.47	9.21	1,093,595	137,000	15.00%
2	VIC	2.76%	314,694	13,105	1,136	1.6%	5.8%	86.79	7.52	2,675,435	99,600	143.00%
3	MSN	1.81%	95,846	16,155	5,241	8.9%	26.1%	17.36	5.63	1,412,366	94,500	77.73%
4	HPG	1.43%	87,717	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.73	2.40	5,584,877	41,300	54.18%
5	ROS	0.63%	22,704	10,141	1,374	7.6%	14.0%	29.11	3.94	1,315,490	40,500	-60.10%
6	NVL	0.58%	54,857	18,333	2,255	3.7%	13.6%	26.60	3.27	4,731,523	64,100	27.38%
7	VRE	0.48%	71,956	14,321	1,057	5.6%	7.9%	35.80	2.64	2,393,062	39,500	0.00%
8	SSI	0.45%	16,445	18,167	2,589	6.6%	14.4%	12.71	1.81	4,826,992	33,150	35.06%
9	STB	0.32%	22,906	13,112	819	0.4%	6.3%	15.51	0.97	6,116,294	12,550	9.48%
10	SAB	0.28%	140,441	24,496	7,384	22.0%	30.1%	29.66	8.94	86,139	218,900	-16.24%
11	PVS	0.20%	10,363	23,998	1,621	3.1%	6.0%	14.31	0.97	5,291,709	23,600	48.24%
12	SBT	0.19%	10,404	12,580	1,115	3.0%	8.0%	18.84	1.67	4,292,546	21,500	-23.08%
13	HSG	0.15%	4,753	13,568	1,861	3.1%	13.4%	6.64	0.91	3,336,914	12,300	-51.04%
14	TCH	0.14%	8,019	12,751	1,075	7.8%	8.7%	21.11	1.78	1,092,894	23,850	51.12%
15	DPM	0.13%	7,024	20,047	1,624	5.9%	7.8%	11.05	0.90	677,684	18,300	-13.18%
16	KBC	0.10%	5,849	18,217	937	2.8%	4.8%	13.29	0.68	2,768,148	12,700	-14.14%
<b>Tổng</b>		15.3%										

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
<b>Danh Mục Khuyến Nghị Mua</b>	TCB	27.7	30.7	25.2	28.10	27.4					Chờ khớp
	MWG	125.7	139.4	114.5	126.70	124.5					Chờ khớp
	KSB	32.1	35.6	29.3	32.25	31.8					Chờ khớp
	TDH	11.7	12.9	10.6	11.75	11.6					Chờ khớp
	HUT	5.6	6.2	5.1	5.80	5.5					Chờ khớp
	HVN	40.3	44.7	36.7	41.30	39.9					Chờ khớp
<b>Danh Mục Đang Nắm Giữ</b>	DQC	29.7	32.9	27.0	29.45	29.4		24/09/2018		0.2%	Nắm giữ
	CSV	36.8	40.8	33.5	36.90	36.40		21/09/2018		1.4%	Nắm giữ
	DVN	17.1	18.9	15.5	16.60	16.90		21/09/2018		-1.8%	Nắm giữ
	PTB	62.1	68.9	56.6	60.80	61.50		21/09/2018		-1.1%	Nắm giữ
	DCM	10.4	11.5	9.5	10.60	10.30		20/09/2018		2.9%	Nắm giữ
	BMP	58.0	64.3	52.8	63.00	57.40		18/09/2018		9.8%	Nắm giữ
	PHR	26.6	29.5	24.2	26.25	26.30		18/09/2018		-0.2%	Nắm giữ
	VNS	17.4	19.3	15.8	17.95	17.20		18/09/2018		4.4%	Nắm giữ
	DHG	93.4	103.6	85.1	96.50	92.50		14/09/2018		4.3%	Nắm giữ
	NT2	27.9	30.9	25.4	26.00	27.60		14/09/2018		-1.5%	Nắm giữ
	HSG	11.2	12.4	10.2	12.30	11.10		14/09/2018		10.8%	Nắm giữ
	POM	15.2	16.8	13.8	15.30	15.00		13/09/2018		2.0%	Nắm giữ
PDR	25.9	28.7	23.6	26.50	25.60		12/09/2018		3.5%	Nắm giữ	

	SSI	32.0	35.5	29.2	33.15	31.70	12/09/2018		4.6%	Nắm giữ	
	PAC	40.8	45.2	37.2	43.60	40.40	10/09/2018		7.9%	Nắm giữ	
	NDN	14.0	15.6	12.8	14.10	13.90	07/09/2018		1.4%	Nắm giữ	
	AMD	3.7	4.1	3.4	3.70	3.70	05/09/2018		0.0%	Nắm giữ	
	ASM	12.8	14.2	11.7	12.75	12.70	05/09/2018		0.4%	Nắm giữ	
	SLS	65.7	72.8	59.8	65.00	65.00	31/08/2018		0.0%	Nắm giữ	
	HDB	38.2	42.3	34.8	39.00	37.80	31/08/2018		3.2%	Nắm giữ	
	CAP	42.1	46.7	38.4	41.50	41.70	31/08/2018		3.9%	Nắm giữ	
	DPR	37.1	41.1	33.8	37.60	36.70	23/08/2018		2.5%	Nắm giữ	
	NTC	65.7	72.8	59.8	71.50	65.00	16/08/2018		24.9%	Nắm giữ	
	EIB	14.2	15.8	13.0	14.10	14.10	22/08/2018		0.0%	Nắm giữ	
	PAN	59.5	66.0	54.2	57.30	58.90	21/08/2018		-2.7%	Nắm giữ	
	CAV	55.7	61.7	50.7	57.30	55.10	14/08/2018		4.0%	Nắm giữ	
	SAB	206.0	228.5	187.7	218.90	204.00	10/08/2018		7.3%	Nắm giữ	
	EVE	16.7	18.5	15.2	16.60	16.5	26/07/2018		0.6%	Nắm giữ	
	BFC	26.7	29.6	24.3	27.00	26.4	24/07/2018		2.3%	Nắm giữ	
	QNS	40.2	44.6	36.6	39.40	39.8	20/07/2018		-1.0%	Nắm giữ	
	PPC	18.2	20.2	16.6	18.60	18.0	19/07/2018		3.3%	Nắm giữ	
	LTG	38.4	42.6	35.0	38.20	38.00	25/06/2018		0.5%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	FMC	21.5	23.9	19.6	26.10	21.30	26.5	13/08/2018	17/09/2018	24.4%	Đã bán
	PVT	15.0	16.7	13.7	16.75	14.9	17.0	12/07/2018	28/08/2018	21.5%	Đã bán
	PVS	16.7	18.5	15.2	18.90	16.5	19.2	19/07/2018	16/08/2018	16.4%	Đã bán
	NVB	7.4	8.2	6.7	8.10	7.30	8.2	15/08/2018	28/08/2018	12.3%	Đã bán
	OGC	2.0	2.2	1.8	2.10	2.00	2.2	08/08/2018	16/08/2018	10.0%	Đã bán
	CEO	12.9	14.3	11.8	13.80	12.80	13.5	15/08/2018	05/09/2018	10.9%	Đã bán
	DXG	25.3	28.0	23.0	27.20	25.0	27.0	02/08/2018	05/09/2018	8.0%	Đã bán
	GMD	25.3	28.0	23.0	27.00	25.0	27.0	02/08/2018	13/09/2018	8.0%	Đã bán
	PVD	13.7	15.2	12.5	15.10	13.6	14.6	02/08/2018	16/08/2018	7.4%	Đã bán
	OIL	14.4	16.0	13.2	15.10	14.3	15.2	20/07/2018	16/08/2018	6.3%	Đã bán
	SHB	8.3	9.2	7.5	8.50	8.20	8.5	16/08/2018	04/09/2018	3.7%	Đã bán
	VCG	17.3	19.2	15.7	17.60	17.10	17.5	27/06/2018	16/08/2018	2.3%	Đã bán
	PVC	6.7	7.4	6.1	6.30	6.60	6.7	07/08/2018	16/08/2018	1.5%	Đã bán
	DGL	39.8	44.1	36.2	40.00	39.40	40.0	30/08/2018	05/09/2018	1.5%	Đã bán
	SKG	21.4	23.7	19.5	21.40	21.20	21.6	07/08/2018	05/09/2018	1.9%	Đã bán
	CSM	14.1	15.7	12.9	14.10	14.00	14.3	23/08/2018	24/09/2018	2.1%	Đã bán
	VDP	32.3	35.8	29.4	31.60	32.00	32.5	13/08/2018	24/09/2018	1.6%	Đã bán
	PHC	16.5	18.3	15.0	15.70	16.3	16.1	31/07/2018	19/09/2018	-1.2%	Đã bán
	HPX	27.7	30.7	25.2	27.00	27.40	27.1	15/08/2018	18/09/2018	-1.1%	Đã bán
	TLH	7.4	8.2	6.7	7.11	7.30	7.1	15/08/2018	18/09/2018	-2.6%	Đã bán
	AAA	17.6	19.5	16.0	16.70	17.40	17.0	06/09/2018	18/09/2018	-2.3%	Đã bán
	NTL	10.2	11.3	9.3	9.70	10.1	9.7	20/07/2018	10/09/2018	-4.0%	Đã bán
	FTS	13.5	15.0	12.3	13.00	13.4	13.0	31/07/2018	06/09/2018	-3.0%	Đã bán
CVN	4.3	4.8	4.0	4.00	4.30	4.0	30/08/2018	06/09/2018	-7.0%	Đã bán	
	SSI	31.6	35.1	28.8	30.70	31.30	30.9	29/08/2018	05/09/2018	-1.3%	Đã bán

MBB	24.1	26.8	22.0	23.10	23.90	22.8	14/08/2018	05/09/2018	-4.6%	Đã bán
VRE	42.4	47.0	38.6	39.60	42.0	39.9	19/07/2018	30/08/2018	-5.0%	Đã bán
KDC	34.0	37.7	31.0	31.40	33.70	31.4	26/06/2018	23/08/2018	-2.0%	Đã bán
DHG	101.7	112.8	92.6	96.00	100.7	96.0	17/07/2018	21/08/2018	-4.7%	Đã bán
VPB	27.2	30.1	24.7	24.90	26.9	25.3	31/07/2018	21/08/2018	-5.9%	Đã bán
KDH	30.7	34.0	28.0	29.10	30.4	29.2	31/07/2018	17/08/2018	-3.9%	Đã bán
HAX	16.5	18.3	15.0	15.25	16.30	15.0	25/06/2018	14/08/2018	-8.0%	Đã bán
TLD	10.5	11.6	9.6	15.5	10.4	14.5	30/05/2018	03/07/2018	38.9%	Đã bán
TNI	6.5	7.2	5.9	8.7	6.4	8.7	14/05/2018	10/07/2018	35.9%	Đã bán
NVT	4.6	5.2	4.2	5.98	4.60	6.0	28/06/2018	11/07/2018	30.4%	Đã bán
GTN	9.5	10.5	8.6	11.10	9.4	11.4	19/07/2018	27/07/2018	21.3%	Đã bán
VIB	24.7	27.4	22.5	27.10	24.50	27.5	11/07/2018	25/07/2018	12.2%	Đã bán
VRC	16.2	17.9	14.7	17.0	16.0	16.7	30/05/2018	03/07/2018	4.4%	Đã bán
PVS	16.7	18.5	15.2	16.7	16.5	16.7	21/06/2018	03/07/2018	1.2%	Đã bán
PVC	5.8	6.4	5.2	5.9	5.7	5.8	21/06/2018	03/07/2018	1.8%	Đã bán
CII	26.3	29.1	23.9	26.50	26.00	26.5	11/07/2018	26/07/2018	1.9%	Đã bán
DPM	18.1	20.0	16.5	17.60	17.9	18.0	26/06/2018	14/08/2018	0.6%	Đã bán

**LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: [vncs.research@vn-cs.com](mailto:vncs.research@vn-cs.com)**

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**  
Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [khanglc@vn-cs.com](mailto:khanglc@vn-cs.com)

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hương**  
Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS**

**Đỗ Bảo Ngọc**

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu  
Email: [ngocdb@vn-cs.com](mailto:ngocdb@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

**Nguyễn Đức Minh**

Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [minhnd@vn-cs.com](mailto:minhnd@vn-cs.com)

**Trần Vũ Phương Liên**

Chuyên viên phân tích  
Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com)

**Vũ Thùy Dương**

Chuyên viên phân tích  
Email: [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô  
và Thị trường Chứng khoán**

**Lưu Chí Kháng**

Chuyên viên Phân tích Cao cấp  
Email: [khanglc@vn-cs.com](mailto:khanglc@vn-cs.com)

**Đỗ Thị Hương**

Trợ lý Phân tích  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

<b>Xếp hạng</b>	<b>Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại</b>
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

**TRỤ SỞ VNCS**

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: + 84 24 3926 0099  
Webiste: [www.vn-cs.com](http://www.vn-cs.com)